

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4603/LĐTBXH-VPQGGN
V/v báo cáo số liệu phục vụ xây dựng
định mức phân bổ vốn ngân sách trung
ương thuộc CTMTQG GNBV
giai đoạn 2016-2020

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, để có cơ sở phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm cho địa phương theo quy định, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cung cấp số liệu đầu vào theo các tiêu chí phân bổ vốn đã được phê duyệt (*phụ biểu đính kèm*).

Báo cáo xin gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo Lô D25, Ngõ 7 Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 043.7478677) trước ngày 25/11/2016 để tổng hợp, phân bổ vốn trung hạn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, VPQGGN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Đàm

PHỤ LỤC 1.
BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUNG CỦA TỈNH
(Kèm theo công văn số 4603/LDTBXH-VPQGGN ngày 17 tháng 11 năm 2016)

TT	Tỉnh/thành phố	Quy mô dân số (hộ)		Quy mô hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Quy mô hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Đơn vị hành chính cấp huyện			Huyện có xã, thôn thuộc Chương trình 135 (CT 135)		Đơn vị hành chính cấp xã					Xã khu vực III (CT 135)			Xã khu vực II (CT 135)			Xã khu vực I (CT 135)			Xã không phân định vùng DTTTS và miền núi (CT 135)			Thôn ĐBK (không thuộc các xã Khu vực I, II, III)								
		Tổng số hộ	Hộ DTTS					Tổng số	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a	Huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a	Quận, thị xã, thành phố	Tổng số	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a có xã, thôn thuộc CT 135	Huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a có xã, thôn thuộc CT 135	Tổng số (xã, phường, thị trấn)	Xã của huyện nghèo theo Nghị quyết 30a không thuộc CT 135	Xã của huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a không thuộc CT 135	Xã đặt biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Phường, thị trấn	Tổng số	Xã biên giới	Xã an toàn khu	Tổng số	Xã biên giới	Xã an toàn khu	Tổng số	Xã biên giới	Xã an toàn khu	Tổng số	Xã biên giới	Xã an toàn khu	Tổng số	Xã biên giới	Xã an toàn khu	Tổng số	Thuộc bao nhiêu xã	Trong đó số thôn được đầu tư (không quá 04 thôn/xã)	
1	Tỉnh A																																					
2																																						
3																																						
...																																						

Ghi chú:

- Quy mô dân số và quy mô hộ dân tộc thiểu số (DTTS) của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Đơn vị hành chính cấp huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục thống kê tỉnh và Quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Đơn vị hành chính cấp xã của để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục thống kê tỉnh và Quyết định của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 2.

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU HUYỆN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT 30a/2008/NQ-CP
VÀ HUYỆN NGHÈO HƯỞNG CƠ CHẾ THEO NGHỊ QUYẾT 30a/2008/NQ-CP**

(Kèm theo công văn số 4603/LĐT BXH-VPQGNN ngày 17 tháng 11 năm 2016)

TT	Huyện nghèo	Quy mô dân số (hộ)	Quy mô hộ DTTS (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Quy mô hộ nghèo (hộ)	Tổng diện tích đất tự nhiên (ha)	Đơn vị hành chính cấp xã	
							Tổng số xã	Trong đó: Xã biên giới
I	Huyện nghèo theo Nghị quyết 30a							
1	Huyện 1							
2	Huyện 2							
...								
II	Huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a							
1	Huyện 1							
2	Huyện 2							
...								

Ghi chú:

1. Biểu này dành cho các tỉnh có huyện nghèo theo Nghị quyết 30a và các huyện hưởng cơ chế theo Nghị quyết 30a.
2. Quy mô dân số, quy mô hộ dân tộc thiểu số của huyện được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
3. Tỷ lệ hộ nghèo, quy mô hộ nghèo của huyện được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
4. Diện tích đất tự nhiên của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.
5. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.
6. Đơn vị hành chính cấp xã biên giới của huyện để tính toán hệ số được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã biên giới theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.